

ĐỌC HIỂU “PHÚ SÔNG BẠCH ĐẰNG” CỦA TRƯƠNG HÁN SIÊU THEO THỂ LOẠI

Tác giả: Trần Thị Vân Anh
Giáo viên: THPT Mường Nhà

1. Sự cần thiết, mục đích của việc thực hiện sáng kiến.

1.1. Sự cần thiết của việc thực hiện sáng kiến.

Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương khóa XI đã khẳng định: *“tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc... Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, đảm bảo trung thực, khách quan”*. Thấm nhuần Nghị quyết này, tôi nhận thấy:

Dạy văn là dạy cho học sinh năng lực đọc, kỹ năng đọc để học sinh có thể đọc – hiểu bất cứ văn bản nào cùng loại. Từ đọc - hiểu văn mà trực tiếp nhận các giá trị văn học, trực tiếp thể nghiệm các tư tưởng và cảm xúc được truyền đạt bằng nghệ thuật ngôn từ, hình thành cách đọc riêng có cá tính. Đó là con đường duy nhất để bồi dưỡng cho học sinh năng lực của chủ thể tiếp nhận thẩm mỹ. Do đó hiểu bản chất môn văn là môn dạy đọc văn vừa thể hiện cách hiểu thực sự bản chất của văn học, vừa hiểu đúng thực chất việc dạy văn là dạy năng lực, phát triển năng lực là chủ thể của học sinh.

M.Bakhtin – nhà lí luận phê bình Nga nổi tiếng, cây đại thụ về lí luận thể loại đã khẳng định rằng: *“...Thể loại là nhân vật chính của tấn bi kịch lịch sử văn học (...) lịch sử văn học trước hết là lịch sử hình thành, phát triển và tương tác giữa các thể loại”*. Lịch sử phát triển văn học đã chứng minh điều đó và trong đời sống văn học hôm nay, việc tìm hiểu đặc trưng của các thể loại văn học càng trở nên quan trọng và cần thiết hơn bao giờ hết. Đó sẽ là chìa khóa để khám phá những giá trị đích thực của từng tác phẩm cụ thể, cùng với sự vận động và phát triển của một nền văn học.

Phú là một thể loại khó của văn học trung đại Việt Nam. Đặc biệt khó khăn về khoảng cách không gian, thời gian, ngôn ngữ cũng như là văn hóa tiếp cận. Đây cũng là một trong những bài khó cho việc hướng dẫn học sinh tiếp cận, chiếm lĩnh tác phẩm. Giáo viên vừa phải có kiến thức về thể loại phú, vừa phải có vốn tri thức phong phú về lịch sử, địa lí, văn hóa trong thời đại bấy giờ thì hướng dẫn học sinh mới dễ dàng hơn.

Tuy nhiên không phải giáo viên nào cũng làm được điều ấy. Trên thực tế đã có rất nhiều giáo viên dạy phú mà như dạy một tác phẩm văn học hiện đại. Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến thực trạng trên là khi phân tích các tác phẩm văn học, chúng ta không xác định đúng đặc trưng loại thể. Vì vậy, khi khai thác tác phẩm văn học không những không làm cho tác phẩm trở nên sống động, giàu sức gợi mà trái lại, làm cho tác phẩm khô khan, chết cứng.

Xuất phát từ thực tiễn giảng dạy tại trường THPT Mường Nhà, từ nhu cầu cấp thiết của đặc trưng bộ môn, tôi mạnh dạn làm đề tài: ***Đọc - hiểu “phú sông Bạch Đằng” của Trương Hán Siêu theo thể loại.***

1.2. Mục đích của việc thực hiện sáng kiến.

Từ những cơ sở lí luận và khả năng ứng dụng phương pháp dạy học đọc - hiểu “*Phú sông Bạch Đằng*” của Trương Hán Siêu theo đặc trưng loại thể, đề tài đưa ra một số biện pháp tương đối chuẩn để thiết kế tác phẩm này (trong chương trình Ngữ văn 10 - ban cơ bản) theo đặc trưng thể loại, nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy và hình thành kỹ năng đọc - hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

2. Phạm vi triển khai thực hiện.

Để thực hiện được đề tài này, tôi dựa vào tác phẩm “*Bạch Đằng giang phú*” của Trương Hán Siêu trong chương trình Ngữ văn lớp 10 (Ban cơ bản). Và đối tượng là học sinh lớp 10 trường THPT Mường Nhà - huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên.

3. Mô tả sáng kiến.

Trong quá trình giảng dạy, tôi nhận thấy: văn học trung đại đã có những đóng góp lớn lao, phản ánh từng bước đi của thời đại, tâm thế của con người dưới

góc nhìn văn hóa. Nhiều tác phẩm văn học giai đoạn này xứng đáng là đỉnh cao, những viên ngọc quý trong kho tàng văn học Việt Nam và thế giới. Thế nhưng, những giá trị to lớn của văn học cổ chưa phải đã được khai thác một cách sâu sắc để giúp cho học sinh hiểu thấu và tâm đắc với tiếng nói cha ông. Lý do khiến các em chưa có hứng thú học tập với các tác phẩm văn học trung đại nói chung và “*Bạch Đằng giang phú*” nói riêng là bởi: sáng tác văn chương thời trung đại thâm thúy, sâu sắc và tinh tế, tao nhã, trong sáng được sản sinh trong một bối cảnh văn hóa, lịch sử cụ thể đã lùi rất xa so với thời đại ngày nay. “*Khoảng cách thẩm mỹ*” giữa các tác phẩm văn chương thời trung đại với học sinh phổ thông hiện nay trước hết là khoảng cách về thời gian và không gian nghệ thuật trong bối cảnh văn hóa lịch sử đương thời.

Để tìm hiểu rõ hơn điều này, tôi đã phỏng vấn một số học sinh trường THPT Mường Nhà thì được biết đa số các em không có hứng thú học hay đọc tác phẩm “*Bạch Đằng giang phú*”. Trong năm học 2013 - 2014 tôi đã thực hiện một cuộc khảo sát: sau khi giáo viên dạy xong bài “*Bạch Đằng giang phú*” tôi đã cho các em làm bài kiểm tra 15 phút và kết quả là:

STT	Lớp	Số học sinh	Điểm giỏi Xuất sắc (8 - 9)		Điểm khá (6,5 - 7,9)		Điểm TB, TB khá (5 - 6,4)		Không đạt (dưới 5)	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	10A1	30	0	0	12	40	8	26,7	10	33,3
2	10A2	29	0	0	8	27,6	11	37,9	10	34,5
3	10A3	25	2	8	15	60	6	24	2	8
4	10A4	24	0	0	4	16,7	12	50	8	33,3
Tổng		108	2	1,9	39	36	37	34,3	30	27,8

Nhìn vào bảng thống kê trên, tôi nhận thấy: tỉ lệ điểm giỏi chỉ có 2/108 học sinh (chiếm 1,9%), không đạt là 30/108 học sinh (chiếm 27,8%). Như vậy, kết quả đạt được là thấp so với yêu cầu. Từ thực tế này, tôi thấy cần phải có một phương pháp phù hợp với đối tượng học sinh hơn để định hướng các em bước vào con

đường của nghệ thuật. Đề tài: **Độc – hiểu “*Bạch Đằng giang phú*” theo thể loại** thật sự cần thiết trong công tác giảng dạy của giáo viên hiện nay.

Sau khi xác định được vai trò quan trọng của đề tài, tôi đã xác định cơ sở lý luận và tìm hiểu thực trạng của vấn đề giảng dạy đọc - hiểu “*Bạch Đằng giang phú*” theo đặc trưng thể loại.

Để làm rõ được đề tài này, tôi nhận thấy cần phải làm rõ một số khái niệm về đọc - hiểu, cách thức đọc - hiểu và những đặc điểm chung nhất của thể loại phú, từ đó đưa ra mô hình thiết kế đọc- hiểu “*Bạch Đằng giang phú*” theo thể loại. Cụ thể như sau:

- Khái lược đọc - hiểu tác phẩm văn chương.
- + Khái niệm đọc - hiểu
- Cách thức đọc - hiểu tác phẩm văn chương.
- + Đọc lướt và đọc kĩ.
- + Đọc phải nhập tâm
- + Đọc bằng tri thức đọc - hiểu.
- + Đọc trong tâm thế sáng tạo.
- Đặc điểm thể loại phú và sáng tạo độc đáo của Trương Hán Siêu trong “*Bạch Đằng giang phú*”.
- + Khái niệm thể loại phú.
- + Cách phân loại thể phú.
- Nguyên tắc chung của thể phú trung đại Việt Nam
- + Tính chất ngợi ca, tán tụng, suy tôn, phô bày trực tiếp là đặc trưng thi pháp lớn nhất trong thể phú.
- + Miêu tả khoa trương phóng đại, tô vẽ ,thiêu dệt đầy tưởng tượng điển tích, điển cố.
- + Nhịp điệu linh hoạt và tính nghị luận của phú.
- Sự sáng tạo độc đáo của Trương Hán Siêu trong “*Bạch Đằng giang phú*”.
- Yêu cầu của việc đọc - hiểu “*Phú sông Bạch Đằng*” - Trương Hán Siêu.
- + Phù hợp với đặc trưng thể loại.
- + Phù hợp với nguyên tắc tích cực.

- Hướng dẫn thiết kế đọc - hiểu “*Bạch Đằng giang phú*” theo thi pháp thể loại.

+ Thiết kế đọc - hiểu “*Bạch Đằng giang phú*” tiếp cận theo đặc trưng thi pháp thể loại phú.

+ Thiết kế đọc - hiểu “*Bạch Đằng giang phú*” nhằm phát huy sức sáng tạo, sự chủ động, linh hoạt của giáo viên khi tổ chức dạy học tác phẩm.

+ Thiết kế đọc - hiểu “*Bạch Đằng giang phú*” có sự kết hợp giữa nội dung và phương pháp dạy học tác phẩm.

+ Thiết kế đọc - hiểu “*Bạch Đằng giang phú*” theo hướng tích hợp liên môn.

+ Thiết kế đọc - hiểu “*Bạch Đằng giang phú*” trong giờ dạy học tác phẩm đặt ra yêu cầu toàn diện cho cả giáo viên và học sinh.

- Mô hình thiết kế đọc - hiểu “*Bạch Đằng giang phú*” theo thể loại. Cụ thể:

PHÚ SÔNG BẠCH ĐẰNG

(*Bạch Đằng giang phú*) – Trương Hán Siêu

A. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được nội dung yêu nước và tư tưởng nhân văn của bài: “*Bạch Đằng giang phú*” qua hoài niệm về quá khứ và lòng tự hào về truyền thống dân tộc của tác giả.

- Nắm được đặc trưng cơ bản của thể phú, đặc biệt là những nét đặc sắc của bài “*Bạch Đằng giang phú*”.

2. Kỹ năng:

- Kỹ năng đọc- hiểu văn bản phú theo đặc trưng thể loại.

- Kỹ năng phân tích - tổng hợp, so sánh đối chiếu.

- Kỹ năng trình bày một vấn đề trước tập thể.

3. Thái độ:

- Bồi dưỡng tình yêu văn học nói riêng, các bộ môn khoa học xã hội nói chung qua việc tìm hiểu một tác phẩm văn học trung đại xuất sắc.

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước, truyền thống đạo lý nhân nghĩa.

B. Chuẩn bị:

- Giáo viên: Soạn giáo án, bài giảng điện tử, vi deo “*Đại chiến Bạch Đằng*”, vi deo *Trương Hán Siêu*, vi deo *Trần Quốc Tuấn*, đoạn vi deo trong phim “*Tam quốc diễn nghĩa*” (trận Xích Bích),... hình ảnh sông Bạch Đằng, *Trương Hán Siêu*, âm thanh làm nhạc nền, bài hát về sông Bạch Đằng.

- Học sinh:

+ Đọc tác phẩm trước ở nhà. Soạn bài, tìm hiểu trước về sông Bạch Đằng và những chiến thắng từng diễn ra trên dòng sông này.

+ Sưu tầm những sáng tác văn chương về dòng sông thơ mộng và oanh liệt này. Tìm hiểu kiến thức các môn học liên quan: Lịch sử, Địa lí, Giáo dục quốc phòng, Giáo dục công dân.

C. Thiết kế bài học:

Giáo viên giới thiệu bài học mới: nếu chất liệu của hội họa là màu sắc và đường nét, của âm nhạc là âm thanh và tiết tấu, của vũ đạo là hình thể và đường nét thì chất liệu của văn học là ngôn từ. Có một dòng sông không chỉ sống trong hội họa, âm nhạc, điện ảnh mà nó còn được tái hiện vừa sinh động vừa cụ thể trong những tác phẩm ngôn từ nghệ thuật. Trong đó có “*Phú sông Bạch Đằng*” của Trương Hán Siêu - đỉnh cao nghệ thuật của thể phú trong văn học Việt Nam thời trung đại.

- Giáo viên nêu câu hỏi: *Em hãy cho biết dòng sông Bạch Đằng đã ghi dấu chiến công hiển hách nào của dân tộc? Dòng sông thơ mộng và oai hùng đó đã từng soi bóng trong các sáng tác thơ văn tiêu biểu từ xưa đến nay như thế nào?*

- Học sinh trả lời: Bạch Đằng vốn là một nhánh của con sông Kinh Thầy. Tại đây, năm 938 Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán, năm 1288 Trần Quốc Tuấn đánh tan giặc Mông – Nguyên. Dòng Bạch Đằng đã từng soi bóng trong thơ Nguyễn Trãi, Nguyễn Sưởng, Trần Minh Tông...

- Giáo viên đưa ảnh bản đồ sông Bạch Đằng cho học sinh xem và cảm nhận.

I. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về tác giả Trương Hán Siêu, thể phú, cấu trúc của bài “Bạch Đằng giang phú”.

1. Tác giả Trương Hán Siêu.

- Giáo viên hỏi: *Qua phần tiểu dẫn, em hãy tóm tắt những nét chính về cuộc đời của Trương Hán Siêu và thể phú thời trung đại?*

- Học sinh trả lời:

- Giáo viên tóm tắt, bổ sung thêm: Đương thời Trương Hán Siêu là một nhân vật nổi tiếng. Ông được Trần Hưng Đạo lấy làm “*môn khách*” trong dinh. Ông từng tham gia cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ hai (1285) và lần thứ ba (1287- 1288) với cương vị là *thư nhi* (một chức quan gần như thư kí riêng) của Trần Hưng Đạo. Kháng chiến thắng lợi, ông được Trần Hưng Đạo tiến cử vào triều đình lần lượt giữ các chức Hàn Lâm học sỹ, Hành Khiển,... Tháng 9/1353 quân Chiêm Thành vào cướp Hóa Châu (Thừa Thiên Huế) khi đó là ở biên giới phía Nam của Tổ quốc, Vua Trần Dụ Tông bèn sai ông đem quân đi giữ. Lúc này ông đã khoảng trên 90 tuổi. Ông đã ở đây 9 tháng, dùng tài thao lược của mình để ổn định tình hình. Tháng 11 âm lịch, khi biên thùy yên ổn, ông xin triều đình trở về, Vua y cho nhưng chưa về đến kinh sư thì mất. Vua Trần Dụ Tông truy tặng ông chức Thái Bảo (*thuộc hàng quan đại thần trong triều*). 9 năm sau vua lại truy tặng ông chức Thái Phó (*chức quan đại thần thứ hai đứng sau Thái Sư*), 9 năm tiếp Vua Trần Nghệ Tông ban tặng cho ông được thờ ở Văn Miếu, sánh ngang Chu Văn An. Đến triều Nguyễn, Vua Thành Thái năm thứ hai (1890) phong Trương Hán Siêu là thần. Nhà nghiên cứu Nguyễn Huệ Chi đánh giá: “*Trương Hán Siêu là một danh nhân văn hóa, một nhà văn lớn thời Trần có tầm vóc đất nước*”.

- Giáo viên chiếu đoạn video về Trương Hán Siêu.

2. Thể phú.

- Học sinh nêu những hiểu biết của mình về thể loại phú qua phần tiểu dẫn.

Giáo viên tóm tắt:

- Thể phú: có nguồn gốc từ Trung Quốc được du nhập vào Việt Nam. Nó là thể loại nằm trung gian giữa thơ và văn xuôi nhưng nghiêng về tính chất trữ tình.

- Về nội dung: phú nghĩa là phô bày, mô tả. Người ta thường dùng phú để tán tụng, ngợi ca trực tiếp vương triều xã tắc, vua sáng, tôi hiền...

- Về nghệ thuật: sử dụng những từ ngữ, hình ảnh hoa mỹ, diễm lệ, chú trọng cái đẹp về thanh điệu, vần điệu, tiết tấu, sử dụng biện pháp tu từ. Có hai loại phú: phú cổ thể và phú cận thể.

- Bài “*Phú sông Bạch Đằng*”: thuộc loại phú cổ thể.

3. Hướng dẫn học sinh đọc và bộc lộ ấn tượng.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc:

- Đoạn 1: giọng đọc cần luyện láy, ngân nga, tha thiết, hơi văn dài tạo niềm tự hào, chú ý lên bổng xuống trầm để tái hiện bằng âm thanh mà “*khách*” miêu tả trong bài phú. Cuối đoạn 1 giọng đọc chậm, ngâm ngùi, lắng chất suy tư.

- Đoạn 2: phần đầu chậm rãi phù hợp lời kể của các bô lão địa phương. Sau đó nhập cuộc với tình hình căng thẳng “*đương khi ấy*”, giọng đọc cần sôi nổi dân: trang trọng ở những câu khẳng định như: “*Đây là... Hoàng Thao*”, gấp gáp, căng thẳng, nhanh, mạnh khi miêu tả thế giằng co quyết liệt của trận đánh, tự hào khi đánh giá về thành công của thắng lợi Bạch Đằng.

- Đoạn 3, 4: bao gồm lời bình luận của các bô lão và khách về chiến trận. Giọng đọc cần chậm hơn, gãy gọn, mạch lạc, sáng khoái.

Sau khi hướng dẫn, giáo viên đọc mẫu cho học sinh. Đặc biệt chú ý đến giọng đọc thể hiện được nhịp điệu uyển chuyển, cân đối, hài hòa của câu văn biến ngẫu.

- Giáo viên nêu câu hỏi để học sinh bộc lộ ấn tượng ban đầu về bài phú: *Cảm nhận chung của em về bài phú? Em thích nhất đoạn văn nào của bài phú? Vì sao?*

- Học sinh nêu cảm nhận.

4. Cấu trúc bài phú.

Học sinh dựa vào phần tiểu dẫn chia cấu trúc bài phú.

Giáo viên khái quát lại:

+ *Đoạn 1*: từ đầu đến *luống còn lưu*: Cảm xúc của “*khách*” trước cảnh sông Bạch Đằng.

+ *Đoạn 2*: từ *Bên sông bô lão* đến *ngàn xưa ca ngợi*: Các cụ bô lão kể lại các chiến tích trên dòng sông Bạch Đằng.

+ *Đoạn 3*: từ *Tuy nhiên*: *Từ có vũ trụ* đến *chừ lệ chan*: Suy ngẫm, bình luận của các bô lão về nguyên nhân chiến thắng trên sông Bạch Đằng.

+ *Đoạn 4*: từ *Rồi vừa đi* đến *cốt mình đức cao*: Tác giả khẳng định, đề cao vai trò, đức độ của con người.

II. Hướng dẫn học sinh tái hiện, phân tích tác phẩm.

1. Đoạn 1.

- Giáo viên: mở đầu “*Bạch Đằng giang phú*”, tác giả không đi miêu tả mọi đường nét góc cạnh về sông Bạch Đằng, hay chiến trận Bạch Đằng - đối tượng miêu tả của bài phú mà bắt đầu bằng thế giới nội tâm của nhân vật “khách”.

- Giáo viên: *hãy đọc đoạn một và cho biết mục đích du ngoạn của “khách”? Nhận xét các hình ảnh miêu tả không gian và thời gian trong đoạn 1?*

(Gợi ý: Tác giả đã liệt kê những địa danh nào? Sự thay đổi liên tục của các địa danh ấy cho thấy tốc độ thời gian như thế nào? Tìm các từ chỉ thời gian trong đoạn?)

- Học sinh trả lời.

- Giáo viên bổ sung thêm: *Mục đích du ngoạn của “khách”*: thưởng thức vẻ đẹp thiên nhiên. Nghiên cứu cảnh trí đất nước, bồi bổ kiến thức.

- Hình ảnh không gian: không gian biển lớn: *giương buồm giông gió, lướt bể chơi trăng*. Không gian sông hồ: *Ngũ Hồ, Nguyên Tương*. Những vùng đất nổi tiếng của Trung Quốc: *Tam Ngô, Bách Việt, đầm Vân Mộng*. Địa danh tác giả đi qua chủ yếu bằng sách vở, bằng trí tưởng tượng. Những địa danh của Việt Nam: *cửa Đại Than, bến Đông Triều, sông Bạch Đằng*. Địa danh cụ thể, là những hình ảnh thật, đang hiện ra trước mắt.

- Hình ảnh thời gian: *sớm ở Nguyên Tương, chiều thăm Vũ Huyệt*. Thời gian thiên nhiên vũ trụ. Sự thay thế liên tiếp của không gian chính là sự hóa thân của thời gian tốc độ. Thời gian và không gian có kích cỡ rộng rãi và thay đổi đến chóng mặt trong cách nói khoa trương phóng đại, vốn quen thuộc thường thấy trong thể phú, tạo nên nhịp điệu ngân nga, phiêu diêu của lời văn. Đặc biệt là các

tính từ miêu tả: *chơi vơi, mãi miết, tha thiết, tiêu dao, thướt tha...* được sử dụng với tần suất dày đã mở ra một không gian tung hoành cho “khách”. -> Không gian nghệ thuật bốn phương, mênh mông, bát ngát, thơ mộng và tràn ngập ánh trăng.

- Giáo viên: *không gian và thời gian nghệ thuật ấy hé mở cho ta biết điều gì về nhân vật “khách”?*

- Học sinh trả lời.

- Giáo viên tóm tắt, bổ sung:

- Nhân vật “khách” xuất hiện trong tư thế chủ động, ngang dọc, tung hoành.

Sử dụng một loạt các động từ chỉ hoạt động: *giương, lướt, chơi, lần thăm, chứa, buông chèo...* cho thấy con người làm chủ không gian bốn phương và thời gian vũ trụ. “Khách” là người có tâm hồn thơ mộng, phóng túng, yêu thiên nhiên, thích du ngoạn, đầy chí khí, hoài bão lớn lao.

- “Khách” còn là một con người có chí khí giang hồ, hào mại, có tâm hồn thơ mộng. Nhân vật giống như một du “khách” nhàn tản, tâm hồn dong đầy gió trăng của thiên nhiên, thắng tích, thả hồn bồng bềnh theo cánh buồm thơ, chơi vơi phiêu du cùng sông nước, mãi miết lướt bề chơi trăng, say sưa chiêm ngưỡng cái đẹp tự nhiên của tạo hóa ngàn đời nay. Nhưng “khách” đâu chỉ có tâm hồn nghệ sĩ tài hoa mà là con người có chí khí hoài bão. Người xưa từng nói: “*nuốt tám chín cái đằm Vân Mộng vào bụng*” để đo chí của kẻ làm trai. Nay người du khách dù đã làm chủ cả thiên nhiên vũ trụ trong cuộc chơi vẫn khát chí lớn: “*Đằm Vân Mộng chứa vài trăm dạ cũng nhiều/ Mà tráng chí bốn phương vẫn còn tha thiết.*” Như vậy ở những câu đầu tiên, cách miêu tả khoa trương, phóng đại của thể phú không làm cho những lời tự giới thiệu của “khách” về mình trở nên sáo rỗng, trái lại trên nền không gian và thời gian vũ trụ, sự khoa trương, phóng đại càng nâng cao thêm kích cỡ của con người.

- Giáo viên bình giảng: ham thích phiêu bồng cùng thiên nhiên tạo vật chỉ là bức phong lớn để trên đó “khách” điểm nét vào Bạch Đằng giang. Có thể nói “khách” là người nhập cuộc tích cực, nặng lòng với quê hương đất nước, tìm đến Bạch Đằng để hát bài ca về chiến công hiển hách của dân tộc, để chiêm ngưỡng dòng sông từng in bóng quá khứ oai hùng. Cuộc đi của “khách” đâu phải để siêu

thoát, tiêu dao mà là con người ngang dọc sơn hà vì hùng tâm tráng trí, lên đường theo cái chí của Tử Trường, mở rộng kiến văn, bằng ngòi bút làm giàu cho cuộc sống tinh thần của người đời.

- Giáo viên: *trước mắt vị “khách” sông Bạch Đằng hiện ra như thế nào? Tâm trạng của “khách” có gì đặc biệt khi quan sát ở những góc độ khác nhau về dòng sông?*

- Học sinh trả lời.

- Giáo viên tóm tắt, nhận xét và giảng bình thêm:

- Đến sông Bạch Đằng: Cảnh sắc trên sông “*Bát ngát sóng kinh muôn dặm/ Thướt tha đuôi trĩ một màu/ Nước trời: một sắc, phong cảnh: ba thu*”. Dòng sông thơ mộng, hùng vĩ, diễm lệ, hoành tráng. Nhìn sang hai bên: “*Bờ lau san sát, bến lách đìu hiu*.” Nhìn xuống giữa dòng sông: “*Sông chìm giáo gãy, gò đầy xương khô*”. Càng in bóng rõ hơn khi “*Nước trời: một sắc, phong cảnh: ba thu*.” Câu thơ tái hiện lại cảnh chiến trận ảm đạm, hiu hắt, tang thương “*Buồn vì cảnh thảm, đứng lặng giờ lâu./ Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá/ Tiếc thay dấu vết luống còn lưu!*” Với một tâm hồn phong phú, nhạy cảm, tác giả vừa vui, tự hào vừa buồn đau, nuối tiếc.

- Giáo viên bình: “*Người ta là hoa đất*” - con người là sản phẩm tinh túy nhất mà tạo hóa mang lại. Vì những mưu đồ quyền lực khác nhau mà con người bị đẩy vào chiến tranh. Thương cho con người đời Trần vì nước mà ngã xuống đã đành. Ở đây Trương Hán Siêu thương cho cả những kẻ là nạn nhân của nhà nước phong kiến phương Bắc. Cảm xúc đầy nhân văn ấy dường như bắt nguồn từ một nơi nào đó rất sâu trong cõi tâm hồn của tác giả. Đâu phải chỉ ở “*Phú sông Bạch Đằng*”, một lần “*Quá Tống đô*” (Qua kinh đô nhà Tống) Trương Hán Siêu cũng thấy trào dâng một thứ tình cảm rất nhân loại, rất con người trước cái cảnh: “*Vạc chuyển trời Nam thôi lờ hời/ Gươm thu đất Bắc đã qua thời*”. (Qua kinh đô nhà Tống). Nhà thơ động lòng xót xa khi “*Ngoài mây thành khuyết, ôi đâu tá?/ Thor khách thương cho lúa tốt bờ*”(Qua kinh đô nhà Tống). Cho nên lời phú vang lên như một lời cảm khái “*Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá/ Tiếc thay dấu vết luống còn lưu!*”(Phú sông Bạch Đằng). Ở thời khắc thay đổi đột ngột giữa hai cực của

một tâm trạng trong lòng nhân vật “khách”, thời gian như dừng lại, chỉ có người nghệ sỹ với tấm lòng nhân ái nhìn thấu vào trái tim mình và gọi tên những cảm xúc đang dâng lên nghẹn ngào.

2. Đoạn 2.

Ở thời khắc mà thời gian, không gian như dừng lại, lòng “khách” ngổn ngang tâm trạng, tác giả đã cho xuất hiện hình tượng nhân vật bô lão. Theo lời kể của họ “khách” như nhập cuộc vào Bạch Đằng chiến trận đang được hồi tưởng lại.

- Giáo viên: *việc xuất hiện nhân vật tập thể các bô lão gợi cho em liên tưởng gì về trận chiến Bạch Đằng nói riêng và hào khí Đông A đời Trần nói chung? Em hãy cho biết thái độ của các bô lão đối với “khách”?*

- Học sinh trả lời:

- Bô lão là nhân vật tập thể. Họ là những người địa phương có uy tín. Đồng thời họ cũng là những nhân chứng của lịch sử. Nhân vật bô lão gợi cho ta nhớ đến những ngày căng thẳng, vua tôi nhà Trần đã tổ chức Hội nghị Diên Hồng trên bến Bình Than, gọi lại tiếng hô xin “đánh” khẳng khái và đầy cương quyết, kết tinh cao độ của cả dân tộc trước họa xâm lăng của kẻ thù. Thái độ của các bô lão với khách: nhiệt tình, hiếu khách, tôn kính khách.

- Giáo viên: *các bô lão đã kể cho “khách” về chiến trận trên sông Bạch Đằng như thế nào? Không khí chiến trận ấy được tác giả làm sống dậy bằng các biện pháp nghệ thuật nào?*

- Học sinh trả lời.

- Giáo viên nhận xét, khái quát: Theo lời kể của các bô lão - những người từng tham gia cuộc chiến năm xưa, Bạch Đằng chiến trường hiện lên thật sống động, binh đao. Mở màn là những giây phút căng thẳng, cao điểm, gay cấn như “ngàn cân treo sợi tóc”. Tình thế gấp gáp đó đẩy cả người kể và người nghe vào trạng thái hồi hộp chờ đợi, cả tin tưởng lẫn âu lo.

- Giáo viên: *thủ pháp đối lập được vận dụng triệt để tạo màu sắc sáng tối đậm nét trong bức tranh chiến trận. Em hãy chỉ ra sự đối lập đó?*

- Học sinh trả lời: đó là sự đối lập căng thẳng của chiến tuyến ta >< địch.

+ Từ đầu:

TA	ĐỊCH
- Ta: xuất quân với khí thế hào hùng “ <i>Hùng hổ sáu quân, giáo gươm sáng chói</i> ” -> Sức mạnh, khí thế như hổ báo của các chiến sĩ thời nhà Trần.	- Địch: cũng ra oai “ <i>Những tướng gieo roi một lần/ Quét sạch Nam bang bốn cõi</i> ” -> Sự huyênh hoang, hung hăng, kiêu ngạo.

+ Diễn biến: Trận đánh diễn ra gay go, căng thẳng, quyết liệt, gay cấn: “...*được thua chưa phân*”, “...*bắc nam chống đối*.” Đó là sự đối đầu không chỉ về lực lượng mà còn là đối đầu về ý chí.

TA	ĐỊCH
- Ta: với lòng yêu nước, với sức mạnh chính nghĩa.	- Địch: “ <i>thế cường</i> ” với bao mưu ma chước quỷ.
=> Trận chiến vô cùng ác liệt: “ <i>Ánh nhật nguyệt chừ phải mờ/ Bầu trời đất chừ sắp đổi</i> .”	

+ Tác giả không chú trọng tả thực mà tìm mọi hình thức tả gây không khí tung bừng, gây thanh thế là chính. Đây cũng là một trong những nét nổi bật của thi pháp phú, tạo hình bằng các số từ chỉ sự đông đảo “thuyền bè **muôn đội**”, “hùng hổ **sáu quân**”. Chú trọng miêu tả sự khuếch tán cực mạnh của ánh sáng từ chiến trận, màu của các loại cờ phấp phới đua chen trên sông, màu của ánh sáng phát ra từ giáo gươm qua hình ảnh khoa trương, phóng đại “*giáo gươm sang chói*”, màu đen đặc trưng như trong phút chốc vũ trụ làm một cuộc hoán đổi vai trò: “*Ánh nhật nguyệt chừ phải mờ/ Bầu trời đất chừ sắp đổi*.” Bằng những hình tượng kì vĩ, mang tầm vóc đất trời, lại được đặt trong thế đối lập: **nhật nguyệt/ mờ; trời đất/ đổi**, báo hiệu một cuộc thủy chiến kinh thiên động địa.

+ Kết quả là: chính nghĩa chiến thắng, giặc “*hung đồ hết lối*”, chuốc nhục muôn đời: “*Đến nay nước sông tuy chảy hoài, / Mà nhục quân thù khôn rửa nổi*.”

- Video về đại chiến Bạch Đằng.

- Giáo viên: *hãy chỉ ra những biện pháp nghệ thuật được Trương Hán Siêu sử dụng khi miêu tả trận chiến trên sông Bạch Đằng?*

- Học sinh trả lời.

- Giáo viên khái quát lại: thái độ, giọng điệu của các bài thơ đầy nhiệt huyết, tự hào. Lời kể súc tích, cô đọng, khái quát nhưng gợi lại không khí của trận đánh hết sức sinh động. Kết hợp câu văn dài ngắn khác nhau phù hợp với tâm trạng và diễn biến trận đánh: những câu văn ngắn gọn, sắc bén dựng lên khung cảnh chiến trận căng thẳng, gấp gáp “*Thuyền bè muôn đội, tinh kì phấp phới./ Hùng hổ sáu quân, giáo gươm sáng chói.*”; Những câu văn dài gợi không khí trang nghiêm đồng dục: “*Đây là địa buổi Trưng Hưng nhị thánh bắt Ô Mã,/ Cũng là bãi đất xưa, thưở trước Ngô chúa phá Hoằng Thao*”. Sử dụng hình ảnh khoa trương, phóng đại: “*giáo gươm sáng chói*”, “*Ánh nhật nguyệt chừ phải mờ/ Bầu trời đất chừ sắp đổ*” – nét nổi bật của thi pháp phú.

- Video trong phim “*Tam quốc diễn nghĩa*” tập 39, đoạn trận chiến trên sông Xích Bích.

- Giáo viên: *nêu cảm nhận của em về chiến trận trên sông Bạch Đằng?*

- Học sinh nêu cảm nhận chung.

- Giáo viên bình: Bạch Đằng chiến trận được xem là một Xích Bích thứ hai trong lịch sử từng khiến Tào Tháo phải thất điên bát đảo, còn được sánh với trận Hợp Phì 100 vạn quân của Bồ Kiên bị thiêu đốt thành tro. Chiến thắng lớn lao và oai hùng đến nỗi, nước sông chảy đêm ngày ra biển Đông cũng không sao rửa hết nỗi nhục cho kẻ thù còn ghim lại muôn đời trong sử sách. Bạch Đằng của buổi Trưng Hưng nhị Thánh bắt Ô Mã khiến cho bao nhiêu năm sau các nhà thơ đi qua đó vẫn còn chung cảm giác nước sông còn in máu đỏ: “*Ánh nước chiều hôm màu đỏ khé/ Tưởng rằng máu giặc vẫn chưa khô.*” (Trần Minh Tông – Bạch Đằng giang). Trong “*Đại Nam quốc sử diễn ca*” cũng ghi lại: “*Bạch Đằng một cõi chiến tràng/ Xương bay trống đất máu màng đỏ sông.*” Giang Văn Minh khi đến sông Bạch Đằng cũng bồi hồi: “*Đồng trụ đến nay rêu phủ biếc/ Đằng giang tự cổ máu còn hồng.*” (Giang Văn Minh). Cuộc chiến Bạch Đằng trong con mắt của người trong cuộc được xem như là một cuộc sinh nở vĩ đại mang tầm vóc vũ trụ để sáng tạo ra một lần nữa dải đất Việt thân yêu này: “*Tái tạo công lao, nghìn đời ca ngợi*”. Tất cả như còn hùng hực, như còn vang đâu đây ngay trước mắt người

ngắm cảnh. Có thể nói, Bạch Đằng đã trở thành một điển tích mới tiêu biểu cho sức mạnh, tư thế và truyền thống đấu tranh ngoan cường của đất nước.

- Giáo viên: *qua lời kể của các cô lão, tâm trạng nhân vật “khách” được biểu hiện như thế nào?*

- Học sinh trả lời: tâm trạng “khách” phơi phới niềm tự hào, biết ơn và trân trọng, ngưỡng phục ông cha xưa - những người đã “*làm nên lịch sử*”.

3. Đoạn 3.

- Giáo viên: *căn cứ vào nội dung bài phú, theo em các cô lão chỉ ra những yếu tố nào làm nên cuộc chiến thắng oai hùng này?*

- Học sinh trả lời.

- Giáo viên bổ sung thêm: nguyên nhân thắng lợi: thời thế thuận lợi (thiên thời) *trời cũng chiều người*. Địa thế núi sông (địa lợi) *đất cho nơi hiểm trở*. Nhưng điều quyết định là: ta có “*nhân tài giữ cuộc diện an*”; “*Kìa trận Bạch Đằng mà đại thắng/ Bời đại vương coi thế giặc nhàn.*”

- Giáo viên bình: binh pháp cổ cho rằng muốn thắng lợi trong chiến tranh cần phải có ba nhân tố cơ bản: thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Các cô lão chỉ nói tới hai yếu tố là *địa lợi* và *nhân hòa*. Tuy nhiên, thắng giặc không cốt ở đất hiểm mà chủ yếu ở đức lớn, là sức mạnh của con người. Khẳng định sức mạnh, tài năng và đức lớn của con người - nhân tố quyết định thắng lợi. Đó là cảm hứng mang **giá trị nhân văn** và có **tâm triết lí** sâu sắc.

- Giáo viên: *em hãy nhận xét lời bình luận của các cô lão?*

- Học sinh trả lời.

- Giáo viên bổ sung: lời bình luận mang tính nghệ thuật, đậm màu sắc văn chương chứ không phải liệt kê như một nhà quân sự. Tác giả đã tạo ra một đối lập nghệ thuật giữa cái **động** và cái **tĩnh**: thế chiến sục sôi là cái **động**, chủ thể chiến cuộc bình tĩnh, tự tại là biểu hiện của thế **tĩnh**. Hai phạm trù đối lập này mang ý nghĩa triết học sâu sắc trong việc khẳng định và đề cao con người.

4. Đoạn 4.

- Giáo viên: *nêu ý nghĩa nội dung của lời ca mà các cô lão hát trên dòng sông Bạch Đằng?*

- Học sinh trả lời.

- Giáo viên nhận xét, bổ sung: những người bất nghĩa (Lư Cung, Hốt Tất Liệt) sẽ tiêu vong. Những người anh hùng, nhân nghĩa (Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo) thì mãi lưu danh thiên cổ. Đó là chân lí có tính chất vĩnh hằng như sông Bạch Đằng ngày đêm “*luồng to sóng lớn dồn về bể Đông*” muôn đời theo quy luật tự nhiên.

- Video về cuộc đời của Trần Hưng Đạo.

- Giáo viên: *theo em, bài ca của “khách” đã bổ sung gì cho ý kiến của các cô/lão?*

- Học sinh trả lời.

- Giáo viên tổng hợp: ca ngợi sự anh minh của 2 vị thánh quân (Trần Nhân Tông và Trần Thánh Tông). Ca ngợi chiến tích trên sông Bạch Đằng. Khẳng định chân lí: trong mối quan hệ giữa *địa linh* và *nhân kiệt*, thì *nhân kiệt* là yếu tố quyết định. Niềm ***tự hào dân tộc*** và ***tư tưởng nhân văn cao đẹp***.

- Giáo viên bình: lời tổng kết của “khách” có ý nghĩa bổ sung thêm và phổ nhạc cho chân lí bất tử được các cô/lão đưa ra. Lời ca ấy hát lên cùng dòng sông lịch sử, bài ca về những con người làm nên thời đại anh hùng được kết tinh ở hai vị Thánh quân. Đó cũng là niềm khát khao cháy bỏng của “khách” về hai tiếng hòa bình “*Giặc tan muôn thưở thanh bình*”. Và cái gốc của sự thanh bình ấy, “khách” thiết tha muốn nhấn đi nhấn lại với hậu thế chính ở hai tiếng kỳ diệu Con Người, hơn nữa là Con Người có Đức cao. Tư tưởng triết lý về “*đức cao*” từ “*Bạch Đằng giang phú*” của Trương Hán Siêu rồi đây sẽ trở thành lập luận đanh thép về “*nhân nghĩa*” trong “*Đại cáo bình Ngô*” của Nguyễn Trãi ở thế kỷ XV. Đặt niềm tin ở con người trong xu thế vận động của lịch sử, điều đó đã góp phần giải hóa tâm lí hoài cổ của bài phú, làm cho nó được cân bằng, băng khuâng man mác chứ không sầu thảm bi lụy.

III. Tổng kết.

Giáo viên hướng dẫn học sinh tổng kết bằng một số câu hỏi:

- *Khái quát những thủ pháp nghệ thuật của bài phú?*

- *Cảm nhận của nhân vật “khách” về cảnh vật sông Bạch Đằng trong bài “Phú sông Bạch Đằng” của Trương Hán Siêu?*

- *Bài phú của Trương Hán Siêu được đan xen bởi những nguồn cảm hứng nào?*

Trên đây là mô hình bài giảng “Phú sông Bạch Đằng” mà tôi đã tổ chức thực nghiệm tại trường THPT Mường Nhà.

Vận dụng quan điểm ấy vào thực tế dạy học, kết hợp với việc chặt lọc, lựa chọn những gợi ý của các sách hướng dẫn dành cho giáo viên và học sinh, tôi đã bắt tay vào việc thiết kế đọc - hiểu tác phẩm “*Bạch Đằng giang phú*” theo thể loại. Sau khi đưa ra mô hình thiết kế này tôi đã tổ chức dạy thực nghiệm.

Tôi đã chọn đối tượng để tiến hành hoạt động thực nghiệm dạy học bài “*Bạch Đằng giang phú*” là học sinh lớp 10 trường THPT Mường Nhà. Đã có 4 trên tổng số 6 lớp 10 của trường được dạy học bài “*Bạch Đằng giang phú*” theo thiết kế mới của đề tài. Trong đó, lớp 10A3 là lớp chọn, còn lại là lớp trung bình - yếu.

Về phía giáo viên tổ chức thực hiện thiết kế có cô Tạ Thị Thu Hoài (kinh nghiệm giảng dạy 7 năm) dạy 2 lớp, bản thân tác giả đề tài trực tiếp dạy hai lớp. Tôi đã chuyển thiết kế và phần hướng dẫn thực hiện cho giáo viên chuẩn bị trước.

Thời gian thực hiện vào tháng 1 năm 2015 (đầu chương trình của học kỳ II), thực hiện tiết dạy theo đúng tiến trình và quy định trong phân phối chương trình.

4. Kết quả, hiệu quả mang lại.

Để đánh giá kết quả thực nghiệm, tôi đã khảo sát bằng một câu hỏi ngắn với thời gian làm bài 15 phút, bài này được học sinh làm ngay sau tiết thực nghiệm.

Câu hỏi: Ấn tượng sâu sắc nhất của em sau khi học xong bài “Bạch Đằng giang phú” của Trương Hán Siêu.

Để làm được câu hỏi này học sinh phải nắm chắc được những vấn đề về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, trên cơ sở đó mới có thể lựa chọn điểm nhấn sâu sắc nhất. Đặc biệt là bóc bạch những rung động sâu sắc về tác phẩm, các em phải mở được cánh cửa hình thức nghệ thuật để đặt chân vào thế giới cảm xúc nội dung sâu thẳm và hấp dẫn trong bài phú. Câu hỏi tuy đơn giản song bài làm của học

sinh cũng sẽ thể hiện được những tác động thẩm mỹ và giáo dục mà tác phẩm mang lại cho mình. Đó là những “*khoái cảm thẩm mỹ*” đã được chuyển vào trong thành những xúc động mang màu sắc văn chương thực sự. Bài văn ngắn này của học sinh cũng thể hiện kỹ năng phân tích tác phẩm phú - một thể loại đặc biệt của văn học trung đại trong nhà trường.

Với bài làm khá giỏi và xuất sắc là những bài ở mức độ nhuần nhuyễn và hay, khả năng diễn đạt tốt, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Những bài trung bình, trung bình khá là những bài học sinh chủ yếu diễn giải chung chung, chưa bộc lộ rõ rung động nghệ thuật trước sáng tạo phú đặc sắc của Trương Hán Siêu, kỹ năng phân tích diễn đạt chưa tốt, còn mắc lỗi chính tả, lỗi về câu. Các bài chưa đạt là những bài không đáp ứng được yêu cầu của đề bài.

Trên cơ sở này, tôi tổng hợp bảng kết quả thực nghiệm như sau:

STT	Lớp	Số học sinh	Điểm giỏi Xuất sắc (8 - 9)		Điểm khá (6,5 - 7,9)		Điểm TB, TB khá (5 - 6,4)		Không đạt (dưới 5)	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	10A1	22	8	36,4	9	40,9	3	13,6	2	9,1
2	10A2	26	9	34,6	11	42,3	4	15,4	2	7,7
3	10A3	34	19	55,9	10	29,4	5	14,7	0	0
4	10A4	23	5	21,7	9	39,1	6	26,1	3	13,1
Tổng		105	41	39,1	39	37,1	18	17,1	7	6,7

Về thời gian thực hiện thiết kế: các lớp đảm bảo không bị thiếu thời gian. Tuy nhiên do đặc điểm của từng đối tượng học sinh khác nhau cho nên ở phần liên hệ mở rộng khi giảng, bình giáo viên linh hoạt có thể rút gọn hoặc mở rộng thêm. Có lớp đủ thời gian hoạt động tổng kết trên lớp, có lớp phân tổng kết được giáo viên hướng dẫn cho học sinh về nhà tự tổng kết và kiểm tra vào giờ dạy lần sau.

Về phía giáo viên: khi tổ chức dạy học đều nhận xét là dễ thực hiện và có khả năng ứng dụng trong thực tế giảng dạy. Thiết kế đã giúp cho giáo viên tìm ra con đường đưa học sinh đến với chiều sâu của tác phẩm. Bài soạn “*Bạch Đằng*”

giang phú” theo một cách nhìn nhận mới đã giúp giáo viên ý thức tự giác hơn về đặc trưng thi pháp thể loại phú, về việc lựa chọn kiến thức, kỹ năng và phương pháp khi hướng dẫn học sinh làm việc với tác phẩm.

Về chất lượng, hiệu quả đào tạo và giáo dục của giờ dạy được phản ánh qua bài làm của học sinh cho thấy: trong tổng số 105 bài thì có 41 bài xuất sắc, giỏi (chiếm 39,1%) so với kết quả khảo sát trước khi thực hiện mô hình thiết kế này thì tăng 27,2%, điểm khá là 39 bài (chiếm 37,1%). Ở những bài viết ấy các em đã tỏ ra hứng thú học tập tác phẩm, giờ học đã có bầu không khí văn chương. Trong bài kiểm tra, các em đã bộc lộ cảm nhận và niềm ham thích khi được cuốn hút say sưa vào quá trình khám phá và sáng tạo. Đã có những học sinh ghi cả những ấn tượng của mình về giờ dạy, về cô giáo khi dạy tiết học đó. Đây được xem như thành công đầu tiên của việc thực hiện thiết kế nếu như chúng ta so sánh với tình trạng ngại học, không thích thú của học sinh khi tiếp cận “*Bạch Đằng giang phú*” trước đây. Kết quả bài làm của học sinh cũng cho thấy các em đã nắm bắt được những cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm và phương thức biểu hiện nghệ thuật các nội dung tư tưởng chủ đạo ấy. Chỉ có 18 bài có điểm trung bình (chiếm 17,1%) và 7 bài không đạt yêu cầu (chiếm 6,7%) giảm so với kết quả khảo sát trước khi thực hiện mô hình này là 21,1%. Đặc biệt trong những bài đạt điểm khá giỏi của học sinh, các em đều có những rung động thực sự được gợi ra từ quá trình chiếm lĩnh tác phẩm. Tinh thần yêu quê hương đất nước, ý thức trách nhiệm với non sông, sự tin tưởng vào những giá trị tinh thần mà con người để lại đã hóa thân thành cảm xúc, thành tiếng nói chân thật xuất phát từ tâm hồn thể hệ học trò ngày hôm nay.

- Trong năm học 2014 – 2015 tôi cũng đã thiết kế đọc - hiểu “*Bạch Đằng giang phú*” theo đặc trưng thể loại để tham gia hai cuộc thi là: thiết kế bài giảng Elearning và cuộc thi Tích hợp liên môn và đã được thành tích nhất định (***chúng tôi đạt hai giải khuyến khích cấp Tỉnh***). Như vậy mô hình thiết kế bài “*Bạch Đằng giang phú*” không chỉ được giảng dạy trong thực tế trường THPT Mường Nhà, mà nó còn được khẳng định qua các cuộc thi do Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên tổ chức.

5. Đánh giá về phạm vi ảnh hưởng của đề tài.

Theo Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương khóa XI, nhiệm vụ căn bản của giáo dục là: *“Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả”* thì đề tài **Đọc - hiểu “Bạch Đằng giang phú”** theo thể loại là đề tài mới mẻ, phù hợp với xu hướng đổi mới phương pháp dạy học trong giai đoạn hiện nay. Nó có thể áp dụng được tất cả các trường THPT trong toàn tỉnh Điện Biên và các trường THPT trong phạm vi cả nước.

Tuy nhiên, không phải vì thế mà giáo viên cho phép mình làm việc tùy tiện theo cảm hứng chủ quan. Một phương pháp mới ra đời bao giờ cũng có những khó khăn nhất định trên con đường vận dụng nó vào thực tiễn, bao giờ cũng trải qua một thời gian nhất định để khẳng định mình nhất là trong việc tạo ra sự đồng tình của đông đảo giáo viên. Hi vọng rằng, trong thời gian ngắn nhất phương pháp đọc - hiểu văn bản theo thể loại sớm trở thành một phương pháp ổn định về nhận thức, về hoạt động sư phạm của đông đảo đồng nghiệp giáo viên văn học./.